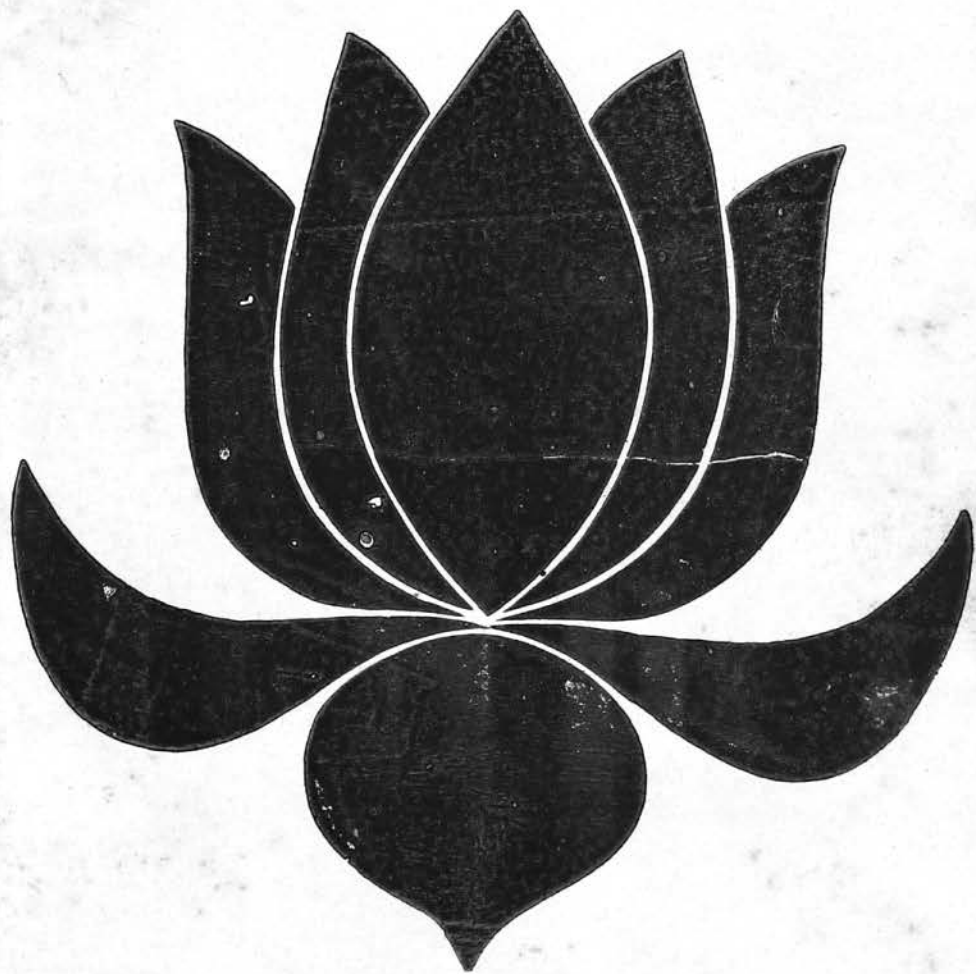


LIÊN HOA

— VẤN TẬP —



LIÊN - HOA TÙNG - THU

— XUẤT BẢN —

THÁNG NĂM NĂM ẤT - MÙI

· PHẬT - LỊCH 2518

LIÊN - HOA

VĂN TẬP

TU - TÂM

Tu nghĩa là sửa, thân cảnh bên ngoài cần phải tu-bồ mới tốt đẹp, thì tâm-hồn cũng cần phải tu-tập mới khỏi sai lầm.

Sở-dĩ các Đức Phật, bồ-tát cho đến các vị thánh, hiền, nhờ sự tu-tập mà thành-tựu. Các bậc vĩ-nhơn trên lịch-sử nhưn loại đều nhờ sự tu-tập mà trở thành vĩ-nhơn, vậy thì người muốn có nhân cách hoàn toàn, không thể không nói đến vấn-đề tu-tập.

Theo lý nhà Phật ; vạn pháp do tâm tạo, tâm là chủ động của vạn pháp, tâm thiện, tạo ra cảnh hiền lành, an vui, tâm ác, tạo ra cảnh buồn rầu, khổ não.

Lòng người đủ các hột giống thiện, ác, lòng từ-bi cũng có mà tánh độc dữ cũng nhiều, do sức huân tập theo tập quán hiền lành thì giống thiện được nảy nở, trái lại, huân tập giống ác nhiều thì lòng độc hại, tham lam, sân-si đầy dẫy.

Nay ta thử xét lý nhưn - quả, một người trọn đời tạo nhưn hiền lành, hay thương người hay bố-thí, nhẫn-nhục, từ-hòa, khiêm-tốn với tất cả mọi người thì người ấy quyết không bị ai ghét bỏ, trái lại, một người trọn đời tạo nhưn ích-kỷ, tham-lam, kiêu - căng, độc-ác, người như thế, không ai là không ghét. Và lại người hiền ở gia-đình, xã-hội là một đóa hoa thơm, vì mùi hương nhưn-từ sẽ làm thơm lây toàn cảnh vật. Thí-dụ một gia-đình gặp được người mẹ hiền, vợ từ, gia - đình quyết được êm - ấm. Đức hiền tôi nói đây không thuộc về ngu - đần, không hiểu biết, mà thuộc về trí-huệ, vì ngu-đần không hiểu biết, không thể gọi là hiền-đức, hiểu biết lỗi-lầm của người mà vẫn dung-thứ, khuyến bảo một cách nhẹ nhàng mới gọi là hiền-đức.

Lối cảm-hóa người có hai phương-diện : một là thị oai cho người khùng - khiếp mà vâng theo, hai là hiền từ khuyến bảo. Người phụ - nữ, như mấy bài trước đã nói, tánh nhu-hòa nhiều hơn phái nam - giới, như thế, không thể lấy oai-hùng mà cảm hóa, chính phải lấy đức hiền,

như mà thuyết phục người, như thế, đã thuận với thiên - tánh phụ-nữ lại hiệp với đạo từ-bi cao-cả.

Đức hiền-từ lại làm cho người cảm mến sâu xa lâu dài, làm cho người không oán-hận, thù ghét, trái lại, thương yêu mà khuyên-bảo nhau thì ai là người không mến-phục.

Nhưng muốn được Đức hiền-từ ấy, không phải là việc dễ làm, phải chịu khó tu-tâm sửa tánh rất nhiều, trị cho sạch các tánh độc-ác, sân-hận, tham, si nơi tâm, và phải luôn luôn tôn trọng đức Từ, đức Bi, đức Hỷ, đức Xả của Phật dạy,

Đức Từ là làm cho người người đều vui. Đức Bi là cứu khổ thương xót mọi người, Đức Hỷ là vui với mọi người, hòa-nhã, an - ủi, mọi người, mong người người đều hoan-hỷ. Đức Xả là hay dung thứ sự lầm lỗi của người và quên việc của mình làm. thí dụ làm một việc thiện cứu người, cứu rồi là thôi, không còn tâm nghĩ đến việc làm ơn ấy nữa.

Bốn đức Từ, Bi, Hỷ, Xả của Phật dạy, tu được sẽ có vô-lượng công-đức, tu được một phần nào, các giống ác sẽ tiêu diệt chừng ấy, đây không phải là bài nghiên cứu bốn đức ấy, nên chỉ nói lược thể thôi, có dịp sẽ xin bàn thêm cho rộng hơn nữa.

Nói tóm lại, văn - đề tu - tâm là sửa sang tâm tánh trở nên tốt đẹp, tôn-trọng các Đức tánh tốt sẵn có trong tâm mà diệt bỏ các tánh xấu-xa, độc-ác, tham-lam, sân-hận, si-mê, tật-đố, kiêu-cãnh ngã mạn. Các tánh xấu-xa ấy nó đã không làm cho tâm ta an vui mà trái lại làm cho tâm ta nóng-nảy, bực-tức, phiền - não. Thí dụ như bà mẹ có tánh hay giận con, nhưng khi thấy giận hờn, đã không có ảnh hưởng tốt cho gia-đình, mà lại làm cho mẹ con xa nhau, thì nên đổi giận làm vui để khuyên bảo lần lần, may ra còn có ích.

Lời xưa nói « nói dễ làm khó » huống nữa tâm ta nhiều đời huân-tập giống ác, nay nhờ Phật chỉ phương-pháp tu-tập, ta phải cố gắng thực hành, may ra mới chuyển được đời phần tâm tánh.

Trong kinh có câu : « thắng người không bằng thắng mình, thắng được tâm-nghiệp của mình mới thật là chơn-đắc-thắng ».

LIÊN - HOA

Tìm hiểu câu :

« SI-MÊ LÀ NGUỒN GỐC CỦA TỘI LỖI »

Tất cả tội lỗi nghiệp - chướng ở nơi ta, là đều do si-mê làm chủ động. Nhưng si-mê có năng-lực gì làm ta phải mang lấy tội lỗi đó ?

Si-mê là tối-tăm ngu-muội, không có ý thức sáng - suốt để nhận chân giá-trị trong mọi hành-động của mình. Do không có ý thức sáng-suốt đó nên tạo ra những hành - động bất - chánh, độc hại chúng sanh thì ta phải mang lấy tội lỗi, ấy là một định-luật hiển-nhiên như thế.

Vì vậy, Đức Phật sau khi thành đạo rồi, Ngài hiểu thấu nguồn gốc của tội lỗi là do si-mê tác-động mà có ra. Với tâm-hồn lợi sanh cứu độ, nên Đức Phật dạy : « Si-mê là gốc của tội lỗi », là thế. Vậy chúng ta muốn thoát khỏi tội lỗi, thì phải diệt trừ si-mê.

Căn-cứ trên đời sống thực-tại, ta thấy câu kinh này rất thiết-thực và lợi ích không phải là nhỏ. Vì tất cả nguồn tội, cũng như rừng ác ở nơi thân tâm ta, là do si-mê làm động-cơ chính để gây nên, mà ta đương quyết tâm diệt-trừ nó. Hơn nữa, câu kinh trên đã cho ta biết được mặt trái của tội lỗi để giữ-gìn trong mọi hành-vi bất-chánh.

Bất luận một quốc-gia nào, một xã-hội nào, hay một tôn-giáo nào, nếu thiếu sự sáng suốt, sẽ đưa mọi người vào đường tội lỗi, vô-lương tâm. Và trở thành một rừng người thiếu ý-thức, rất tai hại cho nền văn minh tiến-bộ của nước nhà, xã-hội.

Như thế câu kinh trên có giá-trị sáng suốt lành mạnh, để truyền-thống qua từng thời đại, qua từng lớp người, và làm nòng-cốt để đào thải những hành-động yếu hèn vô-ý-thức.

Thử nhìn qua câu kinh trên, ta thấy chưa được thực-hiện hoàn-toàn, vì sao ? Vì ta còn ngu muội, nhiều khi ta làm những việc ác độc, mà ta vẫn thản-nhiên không nhận nó là lẽ đầu tiên của tội lỗi; nên không trừ khử đi. Nhưng khó thực hiện, dễ mà thực hiện, vì « thể thượng vô nan sự », kia mà ! Ta không nên chán-nản trước một việc khó làm đó, vì trong mỗi người của chúng ta đều có tâm-hồn cầu tiến và trọng lẽ phải. Ta phải hết lòng khuếch-trương nền đạo-đức sáng - suốt của đạo TỬ - BI, hầu đem lại chơn hạnh-phúc tốt đẹp cho chúng-sanh.

Với ý nghĩa câu kinh trên, cho ta thấy Đức Phật là bậc thầy sáng-suốt trong mọi ý nghĩ và hành-động của chúng-sanh. Vì thế, nên Ngài đã thuyết-minh câu đó và đồng thời để trả lời câu hỏi mà loài người hằng thắc mắc : « Vì nguyên-nhân gì sanh tội lỗi ? » Câu kinh trên đã trả lời một cách thỏa-đáng, và cho chúng ta một ý - thức cầu sáng-suốt, tránh vô - minh (tối đen).

Tóm lại, muốn diệt-trừ tội lỗi, thì phải phát-triển trí - tuệ và đào-thải si-mê. Nhờ đó ta có một hướng đi chơn-chánh ; để đưa cao ngọn đuốc TỬ-BI và TRÍ-TUỆ hầu dắt - dìu mọi người thoát khỏi bức-màn đen tối lăm-than.

TRÍ - TÁNH

Viết tại Linh - Mỹ 12 - 4 - 18

Những cảnh : TÀN-SÁT !

(Khánh-Ngọc)

*K*hông biết họ từ đâu đến, và đến từ lúc nào? Chỉ biết cứ mỗi buổi sáng tinh-sương, đoàn người ấy lại kêu gào thảm-thiết, khi có bọn mọi đến trại giam chọn lấy một người đem đi...

Họ gồm có đàn-ông, đàn-bà lẫn con-nít.

Sáng hôm nay theo thường lệ, bọn mọi vào trại giam ấy, đám người kia sợ hãi ngồi im thin-thít, không dám thở mạnh.

Sau khi lựa lọc kỹ, chúng chọn một người đàn-bà, bắt trôi và kéo đi sền sệt, mặc cho người đàn-bà dẫy-dụa, rên la.

Tội nghiệp cho đứa con đang chạy theo khóc lóc :

— Mẹ! Mẹ ơi!.. thả mẹ thôi...

Đoàn người còn lại ngo-ngác, nhìn nhau thở dài... và hồi-hộp lo cho số phận mình, sống không ngày mai. Không biết họ dắt đi đâu và làm gì mà không bao giờ trở lại? (Có ai biết đâu, đi là chết... thịt xương sẽ làm mồi cho đám người man-rợ).

Một tiếng hét lớn của người đàn-bà vọng lại...

Yên lặng...!

Tiếng chân thình-thịch lại gần, họ xô đứa bé khốn nạn vào nhà giam, rồi khóa cửa lại. Mặt thẳng bé tái xanh không còn tí máu và hân ngĩa chúi theo đá xô của tên mọi vừa rồi, nằm bất tỉnh, như cây cỏ dại bị thiếp đi bởi một trận bão hung tàn. Mấy người cầm động bẻ nó lên. Sau một hồi kêu gọi, nó từ từ mở mắt ra kêu lên :

— Mẹ ơi! trời! Người ta... Người ta...

— Cái gì? Cái gì? Người ta làm gì mẹ đây? (Mấy người còn lại, hấp tấp hỏi).

Nó trả lời sau màn lệ, thồn-thức trong giọng non-nớt bị đứt khoản :

— Họ đã... giết mẹ tôi bằng con dao nhọn và sáng, máu phun ra... họ còn mổ bụng và lóc thịt...

Những cái rùng mình chuyền qua mọi người còn sống sót. Một vài tiếng khẽ kêu lên đau đớn. Các người đàn ông lảng-lặng thờ dài, vài người đàn-bà đưa tay gạt nước mắt...

Kẹt!... Tiếng mở cửa, bọn người đổ xô vào, lựa những người đàn bà đang bông con, chúng giật những đứa con trong tay các người mẹ, mặc tiếng kêu thét của những chiếc đầu non dại. Rồi chúng để mấy đứa nhỏ lại một góc, không cho lại gần mẹ chúng, và bọn mọi kia bắt đầu trôi những người mẹ để vắt sữa,

Sau khi sữa đã khô, chúng mới cởi giày cho các bà mẹ. Rồi lại bắt mấy người đàn ông có sức khỏe đưa đi làm việc cho chúng. Cánh cửa đóng sầm lại như trước.

Mấy đứa bé quâ mừng rỡ, vội lết lại gần mẹ cầm đầu vào vú, người mẹ thấy con, ứa nước mắt bé lên cho bú. Nhưng than ôi! nút mãi chẳng còn tí sữa nào, chúng liền nhả vú thét to lên!... Những giọt nước mắt nóng lăn dài trên má người mẹ rơi trúng miệng chúng, chúng lại tưởng sữa, nút lấy nút để...

Trong lúc ấy, dưới ngọn nắng gay gắt của buổi trưa hè, dưới những làn roi vùn vụt của bụi mọi, các người đàn ông kia, tuy mồ hôi nhễ nhại, vẫn cố lê bước dưới một gánh nặng. Bụng đói, cổ khô, nhưng nào ai biết lời! Họ cam chịu cực hình cho đến khi bóng tối đến đây không thể làm việc được, bấy giờ mới được về cùng vợ con.

Sống trong tình cảnh vô cùng khốn khổ ấy, đám người kia đã

nhều lần toan lẩn trốn, nhưng không sao thoát khỏi bàn tay tàn ác của lũ mọi, với những nhà giam kiên-cố, những hàng rào đầy gai nhọn. Lắm lúc đoàn người này muốn kháng cự trước những sự bất công kia, nhưng họ biết sẽ không ích gì mà chỉ gây thêm tai hại.

Rồi ngày ngày, thời gian cứ thế trôi mãi để siết chặt sợi giây đã cột tự bao giờ và không biết đến bao giờ mới được cởi mở...

Đoàn người đau khổ mà tôi vừa thi dụ là ai?

Chính là đám súc vật vô tội. Và đám mọi khốn nạn tàn ác cũng chính là loài người si-mê, tham-bạo. Đến bao giờ họ mới biết giác-ngộ và biết ghê sợ cho những sự tàn sát mà họ đã gây ra và còn gây ra mãi?

Kia! những tiếng rên siết của con vật khi sắp bị hành hình cái chết chung linh của cặp trống mái quốc-quốc; cảnh liều chết để che chở cho đàn con của con gà mái v.v. chúng tỏ cho ta thấy loài vật cũng biết đau đớn, cũng tham sống, sợ chết, cũng có tình chồng vợ, mẹ con... như ta. Thế mà tại sao ta có thể lấy cái chết của loài vật để tự nuôi thân trong khi ta rất muốn sống!

Hỡi các bạn Phật-lữ! Hỡi những ai đã được gần Đạo, hãy cố gắng tránh những cảnh tàn-sát thương tâm nói trên; cho thế giới muôn loại hữu tình được giảm bớt những tiếng rên la sầu não. Chắc các bạn không bao giờ quên lời dạy của Đấng Từ-phụ: « Ôi! Thế giới này sẽ sung-sướng biết bao, khi loài người chỉ biết tự sống bằng cỏ cây hoa trái! ».

Lòng từ-bi vô tận chỉ muốn cho tất cả chúng-sanh đều được sống trong không-khi tương thân tương ái, nên Đức Phật đã lập ra giới sát sanh.

Vậy ai đã tự mệnh-danh là Phật-lữ, ai là người muốn phục-vụ nhân-sanh một cách có ý nghĩa hay ít nhất cũng không phải là người « thọc gậy bánh xe » đối với cuộc sống trong lành của nhân-loại; hãy mau mau thật hành và khuyên mọi người thật hành giới không sát hại.

HOÀNG - HẬU VI - ĐỀ

VỚI PHÁP MÔN TỊNH-ĐỘ

Trong lúc đức Thích-Tôn còn tại thế, ở Ấn - độ có vua Tần-Bà-Ta-La, nước giàu dân mạnh, tiếng oai hùng khắp cả bốn phương, chư hầu thấy đều quy phục.

Song không bao lâu ông bị nghịch tử là A-Xà - Thế, sanh lòng ác muốn hại để đoạt ngôi. A-Xà-Thế bắt phụ-hoàng giam vào ngục tối và cấm không cho ai được vãng lai. Hoàng-hậu VI-ĐỀ mật lo với ngục tốt lên đến thăm, khi vào bà thấy vua ngồi trong ngục tối, nhan sắc tiêu tụy, tinh thần bạc nhược sắp chết vì đói ! Hoàng-hậu vật mình chết ngất, sau khi tỉnh dậy, về cung, bà tìm phương cứu chông. Hoàng-hậu mới hòa bột cùng mật làm chuỗi anh - lạc mỗi khi vào thăm bà dõ ra cho vua dùng, nhờ vậy mà vua Tần-Bà-Ta-La sống cầm chừng khỏi chết. Nhưng rũi thay, cơ mưu bại lộ, A-Xà-Thế biết được, ông giận quá xách gươm tìm mẹ để giết, may có vị đại-thần can, bà mới thoát khỏi, song bị giam vào lãnh cung. Từ đó hoàng-hậu không thể đem thức ăn cho vua được nữa. Ôi ! Còn chi đau đớn bằng mình bị tù ngục và cảnh tượng chông đói sắp chết hiện ra trước mắt ! Bà kêu gào khóc than đến rối hai mắt gần mờ; nhân đó bà nhận thấy cuộc đời giả - dối, ngại vàng là lao ngục, danh lợi là gông cùm, ân-ái như hồ lang, địa vị như rảo độc.

Khi ấy bà liền nhớ đến Phật và cầu được gặp Phật, nhờ sự cảm thông, Đức Thế-Tôn ở trong Kỳ-hoàn tinh - xá, vận thần thông trên hư không cùng các đệ - tử hiện vào trong lãnh cung. Trong khi bà đang quỳ gối chấp tay hướng về đấng Đại - Giác bỗng thấy hào quang chói khắp, bốn vách tường lạnh lẽo trở nên ấm áp. Ngưng đầu lên bà thấy Phật ; bà tủi mình khóc lóc đánh lễ đức Phật và các vị Thánh chúng mà bạch Phật : Bạch đức Thế-Tôn, không biết con đã gây nên tội gì mà nay sanh đũa con đại ngộ nghịch đến nỗi toan giết cha, giam mẹ để đoạt ngôi ? Nay con được may mắn gặp Phật, nguyện đức Như-Lai cứu độ cho con xả báo thân này để được sanh vào thế giới nào đừng gặp nghịch tử và chịu những điều oan khổ như ngày nay.

Đức Thế-Tôn dụ lời an-ủi : Hoàng - hậu hãy bình tĩnh để nhớ lại chuyện xưa. Khi Hoàng-hậu chưa sanh Thái-Tử thì Đại-vương và hoàng-hậu đêm ngày lo buồn, cầu các vị thần-linh để mong sanh con quý.

Vì lòng quá tin tưởng nên một đêm kia đại-vương chiêm bao thấy thần mách bảo : «Trên trái núi cao cách thành mấy dặm có vị tiên - nhưn

đương tu trên ấy, khi xā báo thân sẽ vào làm con bệ-hạ» . Lúc tỉnh dậy vua thuật lại cho hoàng-hậu nghe và truyền xe giá đưa đi, đến nơi quả nhiên thấy vị Tiên-nhơn đang tĩnh - tọa dưới gốc cây, vua quỳ làm lễ, và đem việc mình cầu tự cùng điếm chiêm bao mà thưa với đạo sĩ. Vị đạo sĩ nghe xong, nhập định một lúc lâu, rồi bảo : «quả có như vậy, song tôi còn ba năm nữa mới ly-khai được xác thân này, vậy bệ- hạ hãy chờ» . Vua nghe xong, buồn rầu, thưa lại : « mạng người vô-thường đâu có hẹn được, xin ngài từ-bi mau mau cho tôi được như nguyện, nếu chờ ba năm lâu quá, biết tôi có sống mà đợi chẳng ? » Vua năn-nì rất lâu mà không được ; phần quỳ đã mỏi gối, ông liền nôi xung bảo xāng : « Trẫm làm vua trong một nước. chủ trị cả giang-sơn, ngài tuy tu - hành song cũng ở trong đất nước trẫm, nay trẫm đã hết lời yêu cầu, nếu ngài không nghe chắc không được» . Đạo-sĩ ngậm ngùi sẽ bảo : «mạng tôi chưa hết, bệ-hạ lấy thể-lực bức tôi nếu tôi không nghe chắc sẽ nguy hại, song tôi nghe, thì khi vào làm con ngài, tôi sẽ hại bệ-hạ mà đoạt ngôi thật là đáng tiếc » . Đạo-sĩ nói xong tự-vẫn mà chết ; và bắt đầu hoàng - hậu có thai, nhưng vua rất buồn vì câu nói và cái chết của đạo-sĩ vẫn ám-ảnh trong lòng.

Chẳng bao lâu hoàng-hậu sanh Thái-tử, vua đem việc ấy bàn với hoàng-hậu và cả hai đồng-tình quăng con từ lầu cao rơi xuống, cố cho Thái-tử chết, nhưng Thái - tử chỉ gãy một ngón tay mà lại lớn rất mau, diện mạo càng lớn càng đẹp-đẽ, oai nghiêm, tư chất lại thông duệ khác thường, làm cho vua và hoàng-hậu yêu quý như ngọc minh-châu và quên lẫn câu chuyện cũ.

Tiếng Phật êm dịu như tơ đàn la-miên, Vi-Đề hoàng-hậu vừa nghe, vừa nhớ lại việc ác của mình, nên dịu lòng đau khổ và ăn năn tội lỗi, bà liền đánh-lễ Phật, cầu Phật dạy cho phương-pháp tu hành để diệt tội và khi xā-thân, được sanh về thế-giới thanh - tịnh bất sanh, bất diệt.

Đức Thế-Tôn phóng hào - quang sáng chói hiện ra tất cả thế giới trong mười phương, trong đó có một thế - giới hoàng-hậu nguyện sanh về tức là thế-giới Cực-Lạc của đức Phật A-Di-Đà, cõi nước ấy an vui, không thấy khổ, nghe khổ và chịu khổ. Nhân đó đức Phật dạy cho bà pháp môn Tịnh-độ là chuyên niệm danh hiệu đức Phật A-Di-Đà để cầu vãng sanh theo chí nguyện. Bà chí tâm chuyên niệm đêm ngày không hở, nhờ vậy mà bà hết sự buồn khổ và chuyền được lòng ngộ nghịch của Thái - tử. Nên từ khi giam mẹ vào lãnh cung một thời gian ngắn, một hôm A-Xà-Thế thấy lòng băng-khuàng và nhớ lại mẹ, nhớ tội ác của mình ông bèn tự thân vào lãnh cung thăm mẹ.

Khi ngục tốt tận lực đẩy cánh cửa sắt nặng nề, A-Xà-Thế bước vào, bỗng ông dừng lại, ông đã thấy gì ? Ông thấy mẫu - hoàng tĩnh tọa trên tấm đá lớn 2 tay chấp trước ngực mắt hơi nhắm, nét mặt điềm đạm hiền từ, mặc dù trời lạnh ở trong cung lạnh mà bà vẫn thân nhiên, dừng vài phút, ông rón rén đến bên và như một cái máy ông quỳ sụp

xuống chân mẹ, hoàng-hậu giết mình mở mắt thấy A-Xà-Thế, bà nhẹ nhàng để hai bàn tay lạnh lên đầu con. . .

Chúng ta ngày nay biết pháp môn niệm Phật là khởi nguyên từ đó.

Nhưng chắc có người sẽ bảo : người ta sở dĩ vì cực khổ quá, gặp nghịch cảnh như hoàng-hậu kia thì mới niệm Phật để cầu giải thoát sanh về cõi nước an vui ; còn những người sang cả, họ sanh trên nhung gấm, sống trong đài các, gia-đình sum hiệp, ân-tình nồng hậu v. v. như vậy là đủ lắm rồi, dù có sanh về Cực-lạc cũng hưởng thể là cùng thì còn niệm Phật làm chi ?

Nói vậy mới nghe qua như tưởng có lý, song chúng ta nên biết, cảnh vui ở đời không có gì chắc chắn, xem như vua Tần-Bà-Ta-La khi còn trên ngôi báu ai ngờ có ngày nhện dới trong ngục tối tăm, hoàng-hậu Vi-Đề khi còn ở trên lầu ngọc ngờ đâu có ngày tù-tội, ngồi trong cung lạnh, đến nỗi trước sân hoa phủ đầy rêu lục, trên màn gấm nhện phất nhiều lớp tơ sần. . . đây là chưa kể những cái ta muốn mà không được như : cha già không muốn con chết, vợ trẻ không muốn chồng xa, oan gia không ưng gặp, ân-ái chẳng ưa lia, vậy mà những cảnh sanh, ly, tử, biệt, oán thù chạm trán, ân tình chia phối cứ tiếp diễn hoài trước mắt, lại còn ưa muốn tuổi ta đừng già, thân ta đừng bệnh mà có được đâu !

Hiện giờ những người giàu sang gặp thuận cảnh như giồng nước chảy, là nhờ đời trước tu phước, cúng dường, bố - thí hoặc giữ 5 giới, làm lành hiếu thuận cha mẹ, hòa kính anh em, nên nay cảm được phước báo như vậy. Song những phước ấy chỉ là hữu-lậu của nhân thiên. . . nếu hưởng hết thì phải sa đọa, nếu không gây nhơn vô-lậu thì khi hết phước cũng phải đọa lạc các loài. Phước ấy cũng ví như cây đại-thọ giữa bãi sa-mạc, khách bộ-hành chỉ tạm dừng bánh xe thiên - lý, dù bớt bụi phong-trần, nghỉ ngơi trong chốc lát, chứ không thể thường tồn, vĩnh-viễn vô-lậu giải-thoát và an-lạc muôn đời muôn kiếp.

Nếu một khi chúng ta đã nhận thấy : giàu sang như mây nổi, danh vọng như đám sương mai, mạng người như bọt nước, mà muốn thoát ly sanh tử, trường tử tam giới thì hãy mượn cảnh phú quý mà niệm Phật để gây nhơn vô-lậu làm tư-lương đi về Tịch-độ, mới là nơi an-ôn trường-tồn, vĩnh-viễn.

Nhưng ngược lại, có người sẽ bảo : kẻ giàu sang thì niệm Phật dễ, còn người nghèo khổ, áo không đủ che thân, cơm không đủ no lòng, lặn lội trong cảnh lầm than không còn đủ nuôi con có rảnh rang chi mà niệm Phật ?

Nghe những lời than thân ấy, thật cũng nã lòng, song có biết đâu, sự thiếu-thốn ngày nay là kết-quả do đời trước tham-lam, keo - rít, ích - kỷ, v.v.

Như vua Tần-Bà-Ta-La và bà hoàng - hậu kia trong một kiếp mà quên được tội ác của mình, đến khi gặp họa - nạn rồi trở lại oán trời

trách dặt, nếu không nhờ Phật nhắc lại thì đâu có nhớ mà vui lòng đền tội, chịu sám-hối và niệm Phật để cầu vãng-sanh ?

Hỡi các bạn nghèo ơi ! đừng than trách, hãy chẵn lòng niệm Phật để chuyển họa thành phúc « như hoàng-hậu kia nhờ niệm Phật mà chuyển được lòng con ngộ-ngịch ». Nếu chấp chặt, không chịu nghe, thì kiếp này đã không thấy mặt trời phúc - huệ, mà kiếp sau cũng khó tránh khỏi cảnh lặn than hơn nữa.

Nói tóm lại, dù giàu, dù nghèo, cũng đều mang cái thân nghiệp-báo, sống trong cõi đời ô-trược này, đâu có giàu sang, ăn ngon, mặc đẹp, nhưng một ngày thân lìa khỏi xác, thì bao nhiêu ngon, đẹp cũng đành để lại, mà chỉ đem một mớ nghiệp đi theo, rồi lại thọ thân khác trong ba đường, sáu cõi.

Vả lại pháp môn niệm Phật không phải chỉ dạy cho hàng phụ-nữ như Vi-Đề hoàng-hậu, hay là những tâm-hồn ly-tục ở trên sơn-dã ; mà chính là dạy chung cho tất cả các hàng Phật-tử tu theo. Pháp-môn niệm Phật sẽ giúp ta bỏ bớt lòng vị-kỷ nhỏ hẹp, tung vãi tình thương khắp cả muôn loài. Với những ai đương hoài bão một chí nguyện yêu đời, thương nước, muốn đem vinh-quang trở về với nhân-loại, người ấy chăm niệm Phật sẽ giúp họ ý chí sáng suốt, bình-tĩnh hăng-hái, bền dẻo thêm lên, họ sẽ cương quyết chống đỡ mọi trở lực mà đi đến chỗ thành công của họ, niệm Phật cũng tức là niệm những đức tánh bi, trí, dũng, của chư Phật. Thiết thực hơn, niệm Phật tức là niệm thiện - tâm, ta không niệm thiện thì sẽ niệm ác, sở dĩ ngày nay màn tang-tóc kéo dài vũ-trụ bao phủ lên tất cả mọi gia - đình dân - tộc, cũng bởi vô số niệm ác của chúng-sanh đã chung kết lại.

Nếu chúng ta tất cả đều niệm Phật, một nhà niệm Phật thì một nhà không niệm ác, rộng rãi ra một nước thì một nước sẽ được hòa-bình an-vui.

Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni là một vị Thái-tử, Ngài bỏ cả giang-son gấm vóc, tình-ái ở đời, để đi tìm hạnh-phúc chung cho nhân - loại ; một đêm kia, Ngài thoát áo cầm-bào, cởi vòng anh-lạc, một mình trốn vào núi Tuyết, 6 năm khổ hạnh, chịu đựng bao nhiêu sự nhớ nhung và gian nguy của thú dữ rừng hoang, để tìm phương cứu đời, thoát khổ.

Với sự hy-sinh cao-cả, với một trí dũng phi - thường với tấm lòng thương không bến hạn ấy, lẽ nào những lời dạy bảo phương-pháp của Ngài không làm rơi bớt đôi phần ác-niệm để gây nên hạnh-phúc an-lạc cho nhân - loại.

Đến đây, chúng tôi thâm trọng cầu cho tất cả chúng - sanh thay đều tin Phật, niệm Phật như bà Vi-Đề hoàng-hậu sẽ thấy kết-quả tốt đẹp cho mình và cho người, cho gia-đình và xã-hội.

THỀ - QUẢN

VUA U'U-ĐIÊN VỚI PHÁP LY-DỤC

Khi Phật còn tại thế, có một nước tên là Câu-Lâm, vua nước ấy hiệu là Uu-Điền. Trong nước có ông triệu-phú tên là Ma-Hồi-Đề, sinh hạ một gái nhan sắc tuyệt vời, trên đời không ai sánh kịp, vì thế, song thân tặng cho cô gái cái tên Vô-Tỷ. Vua các nước lân-bang, và các nhà hào-phú đều đến cầu thân. Ông triệu-phú trả lời: Nếu có người quân-tử nào dung-mạo xinh đẹp bằng con ông, thì ông mới nhận lời.

Bỗng, một ngày Phật đi qua nhà ông triệu-phú, ông thấy Phật với 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, thân thể sáng chói như vàng, oai-nghi trang-nghiêm; tâm ông hoan-hỷ và nói rằng: « Con ta có người sánh đôi rồi, ông liền trở vào bảo bà, tôi đã nhận thấy có người cho con mình làm bạn, bà nên sắm sửa cho nó và mình cũng sắm sửa cùng nhau đem con đi. Bà triệu-phú vội vàng lấy chuỗi ngọc kim-cương đeo cho con, và trang sức từ đầu đến chân, trông như tiên-nữ giáng thế. Cả ba người cùng nhau đến chỗ Phật.

Bà triệu-phú đi gần đến chỗ Phật, thấy dấu chân Phật đoán biết không phải người thường, nói với ông rằng: dấu chân này không phải người phàm, chính là người thanh-tịnh, ly-dục, không nên đem con mình đến mà bị nhục, ông không

nghe, mắng bà biết chi mà nói. Bà can không đăt lời, bực mình lui về, ông triệu-phú một mình đem con đi.

Đến nơi ông đành lẽ Phật thưa rằng : Ngài khó nhọc đi khắp nơi giáo hóa, thân tôi không thể cúng dường, tôi xin cúng người con gái tôi để Ngài sai khiến. — Phật bảo : con gái ông đẹp lắm phải không? — Ông thưa : «Thưa Ngài tôi sanh chỉ một gái dung mạo thật thể gian không ai sánh kịp, các vị vương-giã và các nhà hào-phú đều ao ước mà không nhận lời, tôi thấy Ngài dung-nghi tốt đẹp, trên đời không ai bằng, lòng tôi tham cúng dường nên đem đến hầu Ngài».

Phật bảo : ông bị mất thịt mè-hoặc, ta xem từ đầu đến chân người con ông không có gì là đẹp. Trên đầu có tóc không khác gì lông đuôi ngựa, dưới tóc có đầu lâu, giống như đầu heo ở hàng thịt, bề trong có não không khác não heo ; hai mắt thường chảy ghèn, nước mắt ; hai lỗ mũi, miệng, hở nhờ mũi dãi ; trong bụng có tim gan, phèo phổi, ruột già ruột non ; đầy dẫy sự hôi thối như nhớp, không thể tả hết, chỉ như cái đầy da đựng đầy vật ô-uế ; bốn chân tay do các lóng xương nổi lại mà thành, nhờ chút hơi thở mà sống. Nếu đem chia ra, đầu một nơi, chân tay thân thể mỗi nơi một cái, thể thì lấy cái gì gọi là đẹp, mà nói không ai sánh kịp? Trước kia khi tôi mới thành đạo dưới gốc cây Bồ-đề, có ba nàng ma-nữ ở cõi trời, hình-dung nhan sắc, không ai sánh bằng, họ đến gần tôi chực phá đạo chánh, tôi khi ấy nói pháp quán-thân bất-tịnh như vậy, ba người kia bỗng nhiên thành già, tóc bạc mặt nhăn, lấy làm hổ thẹn bỏ đi mất. Ông thử nghĩ xem thân người là vật ô-uế có gì đáng gọi là tốt đẹp ; ông nên đem con về, tôi không nhận lời ông đâu.

Ông Hồi-Đề nghe Phật dạy thế, không còn biết nói gì, lấy làm hối-hận, lui thủi đem con về.

Ngày khác ông đem con gái đẹp dâng cho vua Ưu-Điền. Vua được người đẹp, bằng lòng, liền phong tước lộc cho ông Hồi-Đề, Vua rước nàng vào cung, phong làm thứ-phi, cấp cho một nghìn người hầu hạ múa hát, ngày đêm vui thú.

Hoàng-hậu vua Ưu-Điền qui y theo Phật đã lâu, bà tu hành chứng quả Tu-Đà-Hoàn,

Thứ-phi thường tâu vua Hoàng-hậu chứng quả, vua đem tâm nghi-hoặc, lấy cung tên ra bắn Hoàng-hậu. Hoàng-hậu thấy tên không chút sợ hãi, cũng không giận hờn, chỉ nhất tâm niệm Phật, lại khởi từ tâm, hướng trước mặt vua; những mũi tên vua bắn ra, đều lượn quanh Hoàng-hậu ba vòng, trở lại rơi trước vua. Vua thấy thế lấy làm sợ hãi, liền lên xe bạch-trượng đi thẳng đến chỗ Phật; gần tới nơi vua vội xuống xe, đi bộ vào cúi đầu lễ sát chân Phật, quỳ mà bạch: Thưa Thế-Tôn tôi có lỗi với Tam-bảo, vì tôi nghe lời tà-siêu của người yêu, nên tôi lầm sanh niệm ác đối với Phật và Thánh-chúng, tôi đem trăm mũi tên bắn Hoàng-hậu là đệ-tử Phật. Thế rồi ông trình bày những cử động tàn-ác của ông đối với Hoàng-hậu, ông lo sợ hối hận, ông tin rằng chỉ có đức Phật, mới đầy lòng từ-bi vô lượng, đến như người thường mà làm đệ-tử Phật, cũng biết phát từ-tâm đến thế, chính Phật là Đấng chánh chân vô-thượng, nên ông xin sám-hối tội lỗi và qui y Tam-bảo.

Phật thấy ông thành thật trình bày tâm sự sám-hối qui y, Ngài nhận lời và an ủi: Đại-vương là người thông-minh, mau biết tinh-ngộ thật đáng quý. — Vua cảm mến lễ Phật. Thưa Thế-Tôn tôi từ trước đến nay, theo thói dũ tợn ngu mê không biết nhẫn-nhục, ba độc nó sai khiến tôi làm nhiều tội ác, nghe lời tà vạy không biết phải trái, nếu không gặp Phật, chắc tội lỗi càng sâu dày. Cúi xin Ngài thương xót nói rõ những tội lỗi vì tôi tin nghe lời siêu-nịnh, để tôi nhớ mà giữ gìn, cũng để làm gương cho người đời sau.

Phật dạy: hay lắm, ông phải chăm nghe mà gìn giữ. Ở đời có bốn điều người Nam tử phải biết mà dè dặt: Một là người dâm-phu, tâm thường mơ tưởng, nhớ lời của người nữ sắc, bỏ quên chánh-pháp, nghe theo tà-tín mờ tối, làm tội lớn cho dục vọng, đem cả tâm trí chú trọng vào đó, ngoài ra không thấy gì hơn nữa. Hai là khi có con mang nặng đẻ đau, tận tụy nuôi cho trưởng thành, tìm người xứng đôi vừa lứa, không kể xa gần, lặn lội cho được; chú ý nuôi dài mỗi dâm dục cho con. Khi có dâu rồi, nó quý vợ như của báu, riêng vui thú với nhau, chỉ nghe lời vợ, quên hẳn công lao cha mẹ, sinh thành dưỡng-dục; trở thành người bất hiếu.

Ba là người đời làm lụng khó nhọc dành dụm tiền tài mà không hề làm phước, bố-thí, cúng-dường, vì không hiểu cuộc đời vô-thường, chỉ có phước đức là lâu dài đáng quý. Thế nên khi có vợ rồi, tâm tình mê man, quên hết việc phải, chăm chú vào nữ sắc, tuy có muốn bố-thí, làm các việc phước thiện, khi nói ra bị vợ ngăn cản, thì thôi đành chịu thành kẻ tiêu non, vì vậy mà quên lời răn dạy trong kinh điển, không biết tội phước, bị ma nữ sắc ám ảnh, khổ khổ suốt đời. Bốn là ở đời, không mấy người nghĩ ơn sanh thành, làm ra tiền của, ít người hiểu dưỡng song thân. Phần nhiều rong ruổi tìm tòi các việc cho vừa lòng dục vọng; đem hết tâm lực, của cải, đổi lấy một người cho vừa ý, khi được rồi vui mừng, mê man, phải tìm bao nhiêu kế hoạch để kéo dài cái vui ấy; gây ra những sự ham cầu tiền của, vợ vét cho đầy túi tham; không kể phải trái liêm sỉ, quý hồ vợ con nhà mình đầy đủ sung sướng, ai đói khổ thiệt thòi mặc kệ ai, không khác gì con voi điên chạy rong theo dục-vọng, mà cho là khoái-lạc.

Bốn thói xấu này, người Nam-tử phải cẩn thận tránh xa nó, nếu mắc vào thì hiện tại, rất tai hại cho bản-thân, gia-đình, xã-hội; mai sau sẽ đọa địa-ngục, ngã-quỷ, súc-sanh, đền trả tội lỗi đã gây ra. Vua Ưu-Điền nghe Phật dạy, hoan hỷ, cúi đầu lễ Phật, bạch rằng: Từ trước đến nay tôi chưa được nghe lời dạy bảo quý báu như hôm nay, nên tôi trở lại làm bao nhiêu tội ác. Từ nay đến về sau, trọn đời tôi nguyện xin sám-hối, qui-y ngôi Tam-bảo không dám phạm nữa, xin Thế-Tôn chứng minh cho tôi. Vua lui ra trở về hoàng-cung.

Từ đó về sau Vua chăm chỉ học đạo, ủng hộ chánh-pháp, đem chánh-pháp dạy bảo nhân dân. Kính trọng Hoàng-hậu, coi như đạo-bạn, vua lại truyền các cung-phì, phải vâng theo lời dạy của Hoàng-hậu. Không bao lâu trong cung-nội, ngoài nhân-dân, đều qui-y Tam-bảo, thọ trì năm giới, nước Câu-Lâm biến thành cảnh an-lạc hiện tại ở trần gian.

(Phỏng dịch kinh Ưu-Điền)

Thích-nữ ĐÀM-MINH

Mục Văn-Thơ

✓ Cùng Người Học Phật

I

Đóng cửa ngồi tu xét tánh chơn,
Trò đời dâm máu cũng sanh lờn.
Khi thương, đen thúì xem trong suốt,
Lúc ghét, xanh lè ngó trắng trơn.
Sắc, bởi thiên tình thành xấu tốt,
Thọ, vì chấp cảnh hóa thua hơn.
Trải xem ngũ-uần tuồng như huyền,
Nào có ra chi, sá giận hờn.

II

Giận hờn thêm túi lại thêm thương,
Chấp đắm làm chi cảnh đoạn-trường.
Đã biết thân này không thiệt có,
Mới hay tâm nọ vẫn vô-thường.
Thương thời mê mết, thương không nghĩa,
Ghét cũng no say, ghét hết đường.
Ghét ghét, thương thương như chỉ rối,
Thoát vòng ta hãy gắng tìm phương.

III

Phương nào thoát được? chi phương tu!
Đức Phật khai-quang chốn mật mù,
Phiền-não vốn không, xin chớ dặt,
Bồ-đề sẵn có, nỡ làm lu.
Đèn lòng khêu mái càng thêm tỏ,
Gương trí lau hoài quyết chẳng ngu.
Ai đã từng say nên gắng tỉnh,
Đại chi tự tạo tự giam tù.

IV

Giam tù tâm trí nghĩ đâu đâu,
Tính quần lo quanh một mối sầu.
Bởi muốn cầu vui nên hóa khổ,
Vì mong đắc ý mới thành đau.
Cầu người tri-kỷ người hư huyền,
Cầu cảnh vô-tru cảnh bề dâu.
Cầu mãi, cầu hoài, cầu chẳng mãn,
Dù cho như nguyện há dài lâu.

V

Dài lâu đau dặng quá trăm năm,
Thời khắc thoi đưa luống hại ngẫm.
Bái cỏ, cồn ma là chốn nghỉ,
Cảnh già giường bệnh lại thường nằm,
Công-danh phú-quý đành trao trả,
Ân-ái nhân-tình cứ gặt tằm.
Một năm mồ hoang cùng lú quý,
Linh-hồn phùng-phất để ai thăm.

VI

Ai thăm, ai hỏi chốn diêm-la,
Hay chỉ hồn ta ta với ta.
Hạch hỏi vấn tra đành chịu tội,
Gồng cùm xiềng kẹp khó kêu ca.
Bởi gây nghiệp trước nay đành thọ,
Vì mắc nợ sau quyết phải ra.
Ăn trả oán đền như trời buộc,
Xoay vần muôn kiếp khó buông tha.

VII

Buông tha chẳng đặng hóa nên hiền,
Trói buộc nhau vì chữ nợ duyên.
Cha-mẹ ân thâm không báo-đáp,
Chồng con nghĩa nặng khó bù đền.
Dù cho cung-cấp đầy cam-vị.
Cúng chẳng đưa ra khỏi ngục xiềng.
Nếu muốn giúp nhau muôn vạn kiếp,
Thời xin học Phật bước đầu tiên.

VIII

Đầu tiên học Phật phải cho chuyên,
Xét tánh, tu-tâm chớ nại phiền.
Thọ-giới quy-y ba món Bảo,
Tri-hành lập thế bốn lời nguyện.
Đời nay gây đặng hơn vô-lậu,
Kiếp khác thêm hoài quả hữu duyên.
Gặp đặng Thầy hay cùng bạn tốt,
Dắt-dìu chỉ dạy ruộng lương-diên.

IX

Lương-diên ruộng tốt sẵn nơi tâm,
Năm uần thường gieo chớ để trảm
Ruộng tốt nhờ chưng người khéo lật,
Cây tươi cúng bởi giếng thường dâm.
Đá nguyện lập chí theo đường chánh,
Xin gắng bền gan tránh néo lằm.
Nếu đặng công viên cùng quả mãn,
Phước đầy ân đủ báo ân-thâm.

X

Ân-thâm báo đáp dám đâu nài,
Muôn kiếp đến xong há để sai.
Nào mẹ, nào cha, nào quyến thuộc,
Này chồng, này bạn, kẻ kẻ vai.
Con con, cháu cháu, còn nhờ mái,
Chắt chắt, chiu chiu, được hưởng hoài.
Ấy bởi vì ta tu phước lớn,
Đức đầy rải-rác khắp nơi nơi.

D. K.

TÌNH GIÁC MIÊ

Mến gửi bạn T.T. người đã đưa tôi trở về chân lý.

Tôi đã sống, trong biển đời đau khổ,
Mà vui cười không một mảy than - van.
Dầu xoay quanh trong ba cõi, sáu đàng,
Tâm vẫn bảo, đầy thiên-đàng hạnh-phúc.



Nay nghĩ lại, đời tôi có những lúc,
Đạp chông gai nhưng lòng vẫn an-vui.
Dẫu đau, buồn, không một phút ngậm-ngùi,
Cứ tiến mãi trong đường đầy tội-lỗi.



Biết tội-lỗi, nhưng không sao sám-hối,
Vì vô-minh nghiệp-lực của chúng-sanh,
Ngăn che đi tất cả những niệm lành,
Đề thúc đẩy xoay-vần trong sanh-lử.



Nhưng, một sáng tôi gặp người Thích-tử,
Trên thân người khoác một chiếc áo vàng ;
Và gia tài là bình - bát vai mang,
Chân nhẹ bước trên con đường thiên lý.

Ôi ! tươi đẹp thay bóng người tu-sĩ !
Mặt hiền lành và đôi mắt trong tươi.
Với đôi môi luôn nở những nụ cười,
Đề biểu rõ con người đầy tự-tại.



Tôi nhìn mãi, theo người không chớp nháy,
Bỗng bàn tay mát dịu đặt trên vai,
Và tai nghe những lời bạn tỏ bày...
Đang mê mết tâm tôi vùng tỉnh-ngộ.



Và từ đấy, tôi hiểu đời là khổ,
Cảnh phù-hoa là cám-dở con người.
Thay lo âu trong những phút vui cười,
Tìm chân lý hướng người mau tỉnh-ngộ.



Ôi tươi đẹp, cảnh tây-phương Tịnh-độ !
Phật Di-Đà với gương mặt hiền lành,
Cánh tay từ đang dịu-dắt chúng-sanh,
Vượt biển khổ đề lên bờ giác-ngạn.



Đây Tịnh-độ, có thánh-nhân làm bạn,
Có Quán-Âm và Từ-Phụ Di-Đà.
Sống an-nhàn trên thất-bảo Liên-hoa,
Ôi thanh tịnh và vô cùng an lạc !

Hàm-Long mùa hạ Ất-mùi

HOÀI - SƠN

SỰ LINH-CẢM CỦA ĐỨC QUÁN-THỂ-ÂM

Sự linh-cảm của Đức Quán - Thế - Âm thì rất nhiều, nay tôi chỉ tạm nói hai chuyện xưa và nay để làm bằng chứng. Trong kinh có câu : « hữu cầu giai ứng, vô nguyện bất tòng, » nghĩa là : « chúng-sanh chí tâm cầu nguyện Ngài thì sẽ được cảm-ứng ». Đức Bồ-Tát khi nào cũng sẵn-sàng cảm-thông với chúng sanh đau khổ biết qui hướng về Ngài mà cứu độ ; cũng như bà mẹ hiền luôn luôn sẵn sóc đàn con dại, không khi nào xa bỏ.

1^o) Gông cùm tự thoát

Triều nhà Tấn, ông Đậu - Truyền, người đất Hànội, năm Vĩnh-Hòa, làm chức Bộ-Phúc cho Quan Tỉnh-Châu Thứ - Sử Cao-Xương, bị Lữ-Hộ bắt làm tù-binh với bảy người đồng bạn, nhốt chung trong một nhà-ngục, đã định ngày đem giết. Ông Truyền niệm Quán-Thế-Âm Bồ-Tát trọn ba ngày ba đêm không nghỉ. Gông cùm rộng lần, bỗng-nhiên tự tháo rã. Ông Truyền mừng thầm, nhưng lại nghĩ đến bọn đồng bạn chẳng nở một mình trốn đi, ông lại chí tâm niệm Quán-Thế-Âm để cầu cho bọn đồng bạn. Giây lát sau, gông cùm của bọn đồng bạn đều tự rã-rót, liền cùng nhau thừa lúc đêm tối, mở cửa ngục vượt thành chạy trốn. Chạy được chừng bốn

năm dặm, đuổi sức, núp trong bụi cây. Sáng ngày, người ngựa bốn phía theo tìm bắt, đốt cả đồng nội; chỉ có chỗ ông Truyền chùng lồi hơn mẩu đất, người cùng lửa đều không đến, nhờ đó mà cả bọn thoát nạn.

2^o) Máy-bay ngừng bắn.

Cách đây hơn 10 năm, binh-sĩ Nhật đóng ở ngoài Bắc, máy-bay Mỹ thường hay đến dội bom. Ở tỉnh Việt-Trì, một hôm, hai chuyến tàu lửa Hà-nội, Yên-Bái đồng đến một lượt, hành-khách rất đông, có hàng ngàn người. Bấy giờ máy-bay Mỹ cũng vừa đến định bắn phá đầu tàu.

Trong khi nguy-cấp, một người quá sợ niệm lớn : « Nam-Mô Đại-Bi Cứu-khồ Cứu-nạn Linh-Cảm Quán-Thế-Âm Bồ-Tát »; thế rồi một thành mười, mười thành trăm, sau tất cả hành-khách hai tàu đều niệm vang dội một góc trời. Lạ thay, lúc ấy tàu bay không dám bắn, chỉ lượn quanh và phất cờ ra hiệu cho người chạy xa hết không còn ai rồi mới bắn vào hai chiếc tàu tan-tành.

Sau khi chuyện linh-cảm ấy xảy ra, các báo đều có đăng và dân-chúng, những người thoát-nạn đều chung nhau làm lễ tại một ngôi chùa rất lớn ở Hà-nội, để cảm-niệm công-đức của Bồ-Tát.

Sau đó, người ta phát-tâm tin theo đạo Phật rất nhiều và thường tụng-kinh Phồ-Môn để cầu đức Quán-Thế-Âm cứu-khồ cứu-nạn.

TÂM - HUỆ

Hoa sen với người Xuất-gia

Giữa khoảng không gian vô tận, phương đông lấp lánh vì sao mai đang ngự tọa và phía tây ánh trăng rằm chưa tắt hẳn, còn phảng-phất trên muôn vật một giòng sữa bạc. Đây đó tiếng gà gáy sáng bay lạc trong sương mù. Khắp kinh-thành nước La-Duyệt-Kỳ mọi người đã nhộn-nhịp hối thúc nhau cất bước lên đường. Đi đâu? Họ đi về phía núi Kỳ-Xà-Quật — nơi Đức Phật hiện lưu-trú để thuyết-pháp.

Pháp-hội hôm ấy, trong số thỉnh-giả đến dự, có một nhóm thanh-niên năm mươi người, toàn là hạng trí-thức khá cao và đều con của những đại trưởng-giả nước La-Duyệt-Kỳ. Sau khi nghe Đức Thế-Tôn thuyết pháp, họ tự ngộ chân-lý vạn pháp đều vô-thường, vô-ngã... Dù sự tôn-qui giàu sang cũng không khỏi định-luật chi-phối, tránh sao được nỗi lo buồn, sầu thảm.. chỉ có khi nào diệt hết nghiệp-chướng mới hoàn-toàn giải-thoát. Bởi vì ở đó không còn chi là họa, chẳng còn chi là lợi nữa. Giác ngộ như thế, nên họ đồng đứng dậy dâng lễ Đức Thế-Tôn, phát-nguyện qui-y và cầu xin rằng :

Kính lạy Ngài ! Chúng con từ vô-thỉ đến nay vì vô-minh mà không nhận được sự thật, cho nên phải mãi-mãi đắm chìm trong bể khổ trầm luân. Hôm nay, nhờ Ngài khai sáng, chúng con được tỏ ngộ, vậy cúi mong Ngài từ-bi thân nhận cho chúng con được xuất-gia làm đệ-lữ.

Lời cầu nguyện ấy làm cho mọi thỉnh giả phải nhiệt liệt hoan hô và dậy lên sự xôn xao bàn tán...

Ba tiếng hồng chung ngân dội, không-khi im lặng hoàn toàn, Phật nói :

— Hay lắm ! Các người muốn cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, làm bậc Sa-môn thì hãy mạnh tiến trên đường hành trì chánh-pháp. Cửa từ-bi không hẹp.

Tin ấy đồn khắp, một số trí-thức khác, — bạn của 50 vị tân-xuất gia, xưa nay thường khinh-rẻ Phật-pháp, nhưng nay cũng ngạc nhiên - Họ tự thân hành đến núi Kỳ-Xà-Quật thăm rồi tán thán :

— Chúng tôi không ngờ các bạn có chí-khí vĩ-dại như thế, thật đáng tán-dương! Chúng tôi xin chân-thành cầu nguyện các bạn trên đường tự-giác, giác-tha hoàn toàn viên mãn.

Lên cao vùng núi Kỳ - Xà - Quật, với sự thanh-u của tinh-xá Kỳ - hoàn; trước nét mặt dịu hiền, đôi mắt ngời sáng, nụ cười bất diệt của đấng Thế-Tôn; và nhất là với lòng cảm-phục những vị thanh-niên đã kñhinh bỏ đời sống lạc-thú cá-nhân để hiển mình cho chánh-pháp, cho muôn loại, số tri-thức ấy không ai bảo ai mà ai nấy cũng tự thâm nguyện: « Nguyện làm một vị tại-gia hộ-trì chánh-pháp ». Lời thâm nguyện ấy khiến lòng họ tự nghĩ: « Trong sự hộ-trì chánh-pháp có hai việc đáng làm trước nhất; một là bố-thí chúng sanh; hai là cúng-dường Tam-Bảo ».

Ý nghĩ ấy đã thúc họ sau khi trở về lập đàn thỉnh Phật và chúng-tăng để cúng dường lễ bái.

Ngày giờ trôi qua, một hôm Đức Phật và tăng-chúng ứng thỉnh đến thọ-trai.

Giờ thọ-trai và thuyết-pháp xong, Đức Phật cùng với tăng-chúng trang-nghiêm đi bước một trở về linh-xá. Nhóm tán-Tỳ-kheo bấy giờ cũng gắng-gượng về theo, ra dáng thối-thất, vì trong khi thọ-trai, mục-kích lại cảnh sum-vầy của gia-quyến bà con ở trần-thế, lòng tục-lụy đã trôi dạt. Đức Phật biết rõ tâm trạng của các vị tán-Tỳ-kheo kia, nhưng Ngài vẫn thản nhiên không tỏ một thái-dộ gì. Trên đường về, lúc ngang qua một đám ruộng trong đó có cái hồ đầy đầy bùn-lầy như bần, trong hồ lại đầy cả hoa sen đủ năm sắc, xinh đẹp. Theo gió thổi, hoa rung-rinh tỏa lên đường thơm ngào-ngạt, át cả những mùi tanh hôi. Để nêu cao giá trị của người xuất-gia, nhất là để nung-đúc chí nguyện xuất-thế cho các vị tán-xuất-gia bền vững trở lại. Không bỏ mất cơ hội tốt Đức Phật bước đến tận hồ sen nói hai bài kệ:

Hồ bùn lầy nước đọng,
Ở bên cạnh vệ đường,
Nhưng hoa sen trời dậy,
Ngát dịu cả muôn hương.

Ngừng một lúc Đức Phật lại tiếp:

Hồ từ sanh khốn cùng
Phàm-phu tranh hụp lặn.

Trí giả hằng xuất ly.

Theo con đường giác-ngộ.

Vì đường còn xa, mà trời về chiều đã hơn nửa buổi, cho nên nói kệ xong Đức Phật liền bảo Tăng-chúng thúc bước lên đường...

Tăng-chúng vâng lời nhưng lòng của mỗi vị đều miên-mạn để ý đảo sâu thâm-ý của Đức Phật. Đến nơi, tôn-giả A-Nan-Đà sửa lại chiếc cà-sa khoác trên mình, rồi đến trước Đức Phật bạch rằng :

— Bạch đức Thế - Tôn ! Hồi nãy, trên đường về, lúc ngang qua hồ sen, đức Thế-Tôn có nói hai bài kệ, thâm-ý trong ấy chúng con chưa rõ, mong đức Thế-Tôn vì chúng con nói lại cho.

— A-Nan-Đà ! Người có thấy trong hồ kia toàn cả bùn lầy như bùn mà có những hoa sen mọc lên không ?

— Bạch đức Thế-Tôn ! Con có thấy.

— Loài người do nghiệp lực bất thiện và tinh-huyết cha mẹ hòa hợp thành thân thể. Thân thể ấy chỉ sống trong một thời gian không hạn định, tùy theo nhân quả-khứ của mỗi người. Và tất cả những gì ở đời cho là vui sướng nếu nghiệm kỹ thì đó toàn là ảo-ảnh, là trá hình của đau khổ, là nước đọng bùn lầy. Thế mà hầu hết nhân loại không tự phản tỉnh, rong ruổi bắt theo đề gây ra vô vàn tội ác... Ôi ! biết lấy lời gì kể hết, chẳng khác gì ao hồ chứa bùn lầy nước đọng ; nhưng bỗng có kẻ trong loài người giác-ngộ được sự thật, lập chí học đạo, điều luyện trí-tuệ, trừ diệt phiền-não, tự đưa mình đến cảnh giới giải-thoát. Kẻ ấy không khác gì trong bùn lầy mọc lên hoa sen, hoa sen thơm ngát, át cả khí vị tanh hôi của bùn lầy. Người xuất-gia cũng in như vậy, tự mình giác-ngộ rồi trở về cứu-dộ cha mẹ anh em và tất cả chúng sanh đồng giải-thoát.

— Nhóm Tỳ-kheo mới xuất gia nghe Phật dạy như vậy, chỉ liền dũng-mãnh, tâm kiên-cố, tinh thần dị thường. Do đó, chỉ trong thời gian ngắn họ đều chứng A-La-Hán quả.

Phỏng theo Kinh Pháp-Cú thí-dụ

MINH - LIÊN

ĐƯỜNG VỀ

Minh đang loay-hoay tính-toán trước cuốn sớ tay nhàu-nát, tỏ rằng nàng đã luôn luôn dùng đến. Sau ít phút trầm-tư, nàng mỉm cười sung sướng, vì thấy tháng này mình đã thắng hơn tháng trước nhiều. Đưa tay mở rộng hai cánh cửa, Minh như muốn san-sẻ nỗi vui sướng tràn-ngập ấy cho cỏ cây đương bị bóng tối của đêm không trăng bao phủ. Một tiếng động nhẹ, Minh quay lại thấy Mai, — bạn nàng, một thiếu-nữ chỉ nhìn đời bằng cặp mắt bi-quan, đương tò-mò lật cuốn sớ coi. Bằng một giọng chế-diễu, Mai hỏi : Chị biên gì mà bí-mật lạ lùng thế này ?

Minh nghiêm-nghị đáp : Một bản-đồ chỉ rõ đường về của chị đó.

— Chị nói gì em không hiểu.

— Không hiểu đề chị giải-thích cho :

Chúng ta đã là một sinh-vật tối-linh trên hoàn-vũ, ai cũng mưu sống và bảo-tồn sự sống, nhưng sống thế nào có ích lợi cho mình, cho người, thời đời sống mới có ý-nghĩa. Nhưng, muốn có đời sống ý-nghĩa tươi đẹp, chính tự ta phải sáng tạo lấy, không ai có quyền định đoạt đời sống của ta được.

Đức Phật dạy : mỗi người đều có 10 cảnh tâm-giới, từ

Phật-Đà cho đến nga-quỷ, súc-sanh. Các tâm-niệm ấy thường thoát khỏi, thoát diệt ở trong tâm ta, ta cũng đã từng sống với nó mà không biết, nay muốn thấy trạng-thái của nó rất dễ. Như hằng ngày, khi chúng ta manh tâm độc-ác, tàn-bạo, đố-ky, hung-dữ ấy là cảnh-giới địa-ngục biểu lộ.

Khi ta tham-lam, sân-tiếc, keo-rít, chính là cảnh-giới nga-quỷ hiện ra.

Có những lúc ta bị hoàn cảnh khích-thích, hành động sai lầm, si-mê, ngu-muội ấy là cảnh-giới súc-sanh thoát hiện.

Trái lại, khi phát tâm từ-thiện giúp người cứu vật, giữ giới tu thiện ấy là cảnh-giới nhân, thiên đã đến với ta.

Có những lúc ta nhầm chán sanh tử, cho thân này chỉ là một quái-tượng chứa đựng toàn sự nhơ bẩn, nên muốn tìm nơi tịch-mịch để tu-luyện tâm tánh, mong cắt-dứt nhân luân-hồi sanh-tử, đấy là cảnh-giới Thanh-Văn, Duyên-Giác hiện ra.

Khi ta trực nhận được vạn-pháp đều là giả-hiệp, thường sống với sự thật, nhận thấy sanh tử tức Niết-Bàn, phiền-não tức Bồ-đề, nên không nhầm chán sanh-tử, không an-trú Niết-Bàn, phát Bồ-đề tâm vào sanh tử cứu vớt chúng-sanh, chính lúc ấy là Bồ-tát lưu-lộ.

Có những khi tâm-hồn thanh-tịnh, vắng-lặng, trong-sáng, xem tất cả người oán kẻ thân đều bình-đẳng, chỉ một lòng thương vô hạn đối với toàn-thể chúng-sanh, ấy là cảnh-giới Phật-Đà đã đến với ta đôi phút.

Mười cảnh tâm-giới trên đây, mặc dầu khi mới manh tâm đã có ảnh-hưởng đến đời vị-lai; vì khi manh tâm chính là lúc ta gieo hạt giống vào « tạng-thức » hạt giống ấy khi đã tiềm-tàng trong « tạng-thức » thì không thể tiêu diệt, vì tạng-thức có công năng giữ gìn hột giống, và đợi đủ duyên là phát hiện. Vậy ngày thường, ta gieo hạt giống nào nhiều, nghĩa là ta sống

cảnh-giới nào nhiều thì khi lâm-chung A.lại-gia-thức (tạng-thức dẫn đến cảnh-giới ấy mà thọ thân hậu-ấm (thân đời sau). Chết đã không phải là mất hẳn, thì chết chỉ là một phen cởi áo này để mặc áo khác, cũng như những vai tuồng trên sân khấu, khi đóng vai hoàng-hậu, lúc đội lốt măng-xà, chung qui chỉ là một người mà đã bao phen thay hình, đổi dạng.

Minh im lặng ít phút, rồi nói tiếp : với sự trình bày trên đây chắc bạn còn nghi ngờ nhiều — Xin dẫn thêm một tỷ-dụ : « Nếu bạn, hằng ngày sống trong gia-đình Phật-tử, đã huân-tập Phật-pháp nhiều thì, mặc dầu tuổi niên-thiếu là tuổi bông-bột ưa vui, thể mà gặp ngày nghỉ, là có một sức mạnh vô hình bắt bạn lên chùa để sống ít phút thanh-tịnh. Trái lại, nếu người hay cờ bạc, rượu chè thì sức mạnh vô hình bắt tìm đến trà-đình, tửu-điếm.

Căn cứ vào biện-chứng ấy, mong bạn hãy đem ý-chí sáng-suốt mà suy xét kỹ-càng, để gây một lòng tin lý nhân-quả chắc chắn, và khi đã tin, bạn hãy gắng thực hành theo, nghĩa là trước khi đi ngủ, bạn nên để riêng ít phút mà kiểm - soát lại tâm-niệm mình, xem ngày vừa qua đã sống cảnh-giới nào nhiều, rồi ghi vào sổ tay, cuối tháng cộng lại, xem trong tháng đó mình thắng bại thế nào, để cuối năm tổng-cộng lấy điểm quân-bình ghi vào sổ cái. Làm như vậy, tuy hơi phiền phức, song ta hãy coi đó là những giờ phút ta chơi với tâm-niệm ta vậy.

Cứ thế, chuỗi ngày trôi qua, quyền - sổ ấy đã ghi lại hành-vi và tâm-niệm, bạn có thể kiểm - điểm một cách minh-bạch các hành-động của mình, cho đến ngày lâm-chung, cuốn sổ ấy là một bản-đồ chỉ rõ đường về của bạn. Nếu bao năm qua bạn đã sống với ác niệm nhiều, khi ấy bạn rất lo sợ, vì bạn biết con đường sắp đến kia sẽ vô cùng thê - thảm. Ngang với sự thê-thảm của kẻ tù nhưn « Khi nghe tuyên án phải đày ra hoang-đảo ».

Trái lại, những năm qua bạn sống với cảnh thuận-thiện thanh-tĩnh nhiều, khi ấy bạn sẽ vô-cùng sung-sướng, đối với sự chết rất tự-tại vì bạn biết, bạn sắp cỡi manh áo rách để khoác chiếc áo cầm-bảo, bạn sắp thoát-ly cảnh đời ô-trước để đến phương trời huy-hoàng giải-thoát. Cũng như người, sau bao năm làm lụng vất - vả, đã để dành được số tiền lớn, sửa-soạn qua thăm Mỹ-quốc để thưởng - thức nền văn - minh tối-tàn của khoa-học. Bạn hãy tưởng-tượng xem còn gì sung-sướng bằng một khi bạn sắp được đến cảnh-giới mà bạn hằng ao ước, lại có những điều - kiện đầy đủ, bạn chỉ việc xách va-ly, cưỡi máy-bay là đã thoát ly cảnh-giới này để đến phương trời xa lạ.

Theo đây mà nhận định « mức sống » chỉ theo đà vận-dụng của ý-chí mỗi người mà nhịp nhàng tiến thối không ngừng, sự hình thành con người là một kết quả trình bày do nghiệp lực của mỗi người, chứ không do một « nhân-vị » tối cao nào chỉ định.

Xem thế, chúng ta còn đợi gì mà không thủ-tiêu thú-tánh « tham, sân, si », để nêu cao bản tánh « bi, trí, dũng ». Còn đợi gì mà không đem tình thương hữu hạn, đổi thay vào đó, một lòng từ vô hạn tung rải khắp không-gian.

Sau một lúc trầm-tư, Mai sung-sướng nói : theo chỗ trình bày của chị thì ra đời sống của ta do ta sáng tạo, ta có quyền hoàn toàn, thay đổi đời sống của ta theo ý muốn. Định-lý này đã đưa lại cho em một tia hy-vọng, một nguồn sinh-lực, một lòng tin tưởng, lòng tin ấy sẽ giúp em mạnh-mẽ, thực-hành những lý-thuyết trên, để đời sống thêm phần ý-nghĩa, và kết-quả tương lai sẽ huy hoàng, đầy hương vị giải-thoát.

MAI - SON

Sự - tích

ĐỨC XÁ-LỢI-PHẬT

(Tiếp theo)

Ta, ta cũng sẽ tìm làng Senani tại Urewela để giảng chánh-pháp.

Nói xong, Ngài từ từ xuống pháp-tọa và cùng 60 vị Tỷ-kheo ra khỏi tịnh-xá. Con đường mòn dài đất đỏ từ Tịnh-xá đến Urewela ẩn hiện dưới ánh sáng của bình minh. Rồi đây con đường đó cũng như những con đường khác ở xứ Ấn-độ cùng các nước lân cận sẽ thấp thoáng hình bóng của các nhà-sư truyền đạo. Họ đi văng vẳng lời dạy bảo rành-rọt của đấng Điều-Ngự, họ đi, vì lợi ích kẻ khác, họ sẽ tùy phương tiện, tùy phong-tục đề tụng vài đạo màu. Không đàn áp, không miễn cưỡng, đó là phương châm của họ.

Đại-đức Assaji sau khi đánh lễ từ giả Phật, lên đường cùng năm đệ-tử đến thành Rayagaha (Vương-xá). Đường trường, tuy bụi đường dính chân người Đạo-sĩ, nhưng tâm trí họ không khác nào ngọc pha-lê, sáng ngời không tỳ vết. Dân thành Vương-xá lần đầu tiên được hân hạnh chiêm-ngưỡng gặp gỡ các vị, thì thăm hỏi nhau :

— Người ở đâu thế ? Phải chăng đó là hàng Đạo-sĩ ?

— Nhưng tại sao họ không có râu tóc ? Tại sao họ ăn mặc sạch sẽ gọn gàng ?

Tuy vậy, không ai dám hỏi, vì lòng kính nể.

Trong đám người hân hạnh được thấy ấy, có Upatissa, đạo sĩ, người dương lang thang trên đường phố thành Vương-xá hòng đề kiếm tìm bậc thức-giả, bỗng dừng lại, mắt đăm đăm nhìn Đại-đức Assaji.

Hình dáng uy-nghi, điềm-tĩnh, cao - thượng từ-bi của người làm Đạo-sĩ chú ý — Ngài đương thông thả, tay cầm bình bát, y quần tròn gọn ghê, đi từng của nhà khất thực.

— Ta chưa từng thấy một Đạo-sĩ nào như thế này bao giờ, Upatissa tự nghĩ. Chắc hẳn người là một trong những bậc đã chứng A-la-Hán quả hay một trong những vị đương thực hành đạo quả A-la-Hán. Làm sao ta có thể đến thỉnh-vấn Ngài. Làm sao ta có thể hỏi: « Thưa Đại-đức vì sao Đại-đức xuất-gia, ai là Bôn-sur của Đại-đức và Đại-đức theo đạo nào ? »

Tuy nghĩ vậy Upatissa không dám hỏi. Một mảnh lực tôn-kính vô hình tưởng như khiến ông không dám tiến lại gần, nhất là không dám phá rối buổi khất-thực của Đại-đức.

« Nay chưa phải thời » Upatissa tự nói « đề thỉnh-vấn Đại-đức vì Đại-đức đương khất-thực. Tốt hơn ta nên theo chân người đề chờ dịp thuận tiện ».

Mặt trời đã gần đứng bóng, Đại-đức Assaji sau khi khất-thực vừa đủ, đương tìm chỗ thuận-tiện để thọ-trai Upatissa thấy vậy rất hoan-hỷ, cho là cơ-hội đã đến, lập tức đến sửa-soạn chỗ, mời ngồi lấy nước ở bình mang theo dâng cho Đại-đức, làm như là một học trò thuần-kính, xong bạch :

— « Kính bạch Đại-đức người có vẻ điềm tĩnh, thanh-khiết, ngũ-căn minh-tĩnh, sắc-thân tươi đẹp. Bạch Ngài, vì ai mà Ngài xuất-gia từ bỏ cuộc đời ? Ai là Bôn-Sur của Ngài và Ngài theo đạo nào ? »

Đại-đức Assaja khiêm-tốn như trăm nghìn bậc thánh khác đáp :

— « Ta chỉ là một kẻ sơ - cơ nhập đạo, thiện-nam-tử, ta không làm sao giảng-giải tỷ-mỷ chánh-pháp sâu rộng được ».

— « Kính bạch Đại-đức, đệ-tử là Upatissa ; xin Ngài hãy giảng cho ít hay nhiều tùy theo năng-lực của Ngài, đệ-tử sẽ gắng hiểu nó theo trăm nghìn phương-tiện khác ».

— « Giảng ít hay nhiều », Upatissa tiếp « Xin giảng cho đệ-tử tính-chất thôi. Đệ-tử chỉ cần tính chất chứ không cần ở nhiều lời nói ».

Đại-đức Assaji tóm tắt đạo-lý thâm-huyền của Đức Bôn-Sur trong câu kệ chỉ rõ luật nhân-quả bất di.

« Các pháp do nhân-duyên mà sanh,

Cúng do nhân-duyên mà diệt,

Đức Tattragta Đại Sa-môn

Thường giảng dạy chánh-pháp như thế ».

Như trời đại-hạn gặp mưa, như người đói được cơm, kẻ nghèo gặp châu bảo, Upatissa mừng-rỡ và am-hiểu ngay nghĩa chính của bài kệ. Người không khác gì trái đã chín chỉ cần một làn gió nhẹ thổi là rời khỏi cành, nên vừa nghe Đại-đức Assaji thuyết xong bài-kệ là liền chứng-quả thứ-nhứt Sotapatti (Tu-Đà-hoàn hay Dự-lưu-quả).

Lòng nặng ân-đức đối với người đã khai-ngộ chỉ bày con đường chính, Upatissa vị Đạo-sĩ bấy giờ được cảm-hóa, quy-y và sau khi cận-kê thưa hỏi những điều cần-thiết, đành lễ lui ra.

Lòng chí-thành và cảm-niệm ân-đức giáo-hóa, Upatissa không bao giờ quên, nên, theo bộ Dhammapada số chép, mỗi khi người nghe thầy mình an-trú ở phương-hướng nào, người chấp hai tay dong lên tỏ vẻ cung kính đánh-lễ và nếu nằm ngủ sẽ quay đầu về hướng ấy.

Upatissa theo lời ước-định với bạn trước, sung-sướng quay về báo tin cho bạn Kotika hay — Kotika cũng như bạn, chứng quả-thánh sau khi nghe bài kệ. Đường hòa-bình đã mở, mục-dịch đã đạt, họ theo bôn-phận, đến thưa cho thầy là Sanjaya hay đạo-lý chân-chánh mà họ vừa tìm ra.

Nhưng tre già khó uốn, nước đục không dễ gì phút chốc lọc trong được, Upatissa và Kotika không sao thuyết-phục được thầy cũ, bèn từ-giã ra đi với 250 đồ-đệ của Sanjaya, những người này hoan-hỷ đi theo họ.

Đường đi đến Veluvana (Trúc-Lâm tinh-xá) tuy gập-ghềnh khúc-khuỷ, nhưng với đoàn người hăng-hái nhiệt-thành mộ đạo kia, trở thành con đường đầy cỏ thơm hoa lạ. Với ý-nghĩ được chiêm-ngưỡng dung-nhan của Phật làm họ quên tất cả mệt nhọc, quên bụi đường dính áo cà-sa.

Thề theo lời cầu-khẩn của họ, Đức Điều-Ngự thân nhận hai vị vào hàng tăng-chúng. Ngài thông thả nói : « **Thiện lai Tỷ-kheo** ».

Ngày tháng trôi qua, Pháp-mầu ngày càng thâm-nập,

Nửa tháng sau, khi Đại-Đức Sariputta (tức Upatissa) đang an-trú tại hang Sukarakhata, gần Vượng - xá thành, nghe đức Điều - Ngự giảng-kinh **Vedanà Pariggaha Sutta** (số 47 trong Trung A-Hàm : Majjhima Nikāya) cho người cháu, Đại-đức Dighanakha, người liền định tâm quán-tưởng và chứng được A-La-Hán quả.

Ngày hôm ấy, chiều đến, đức Phật hội-họp tất cả đồ-đệ của Ngài lại, truyền thừa cho Đại - đức Sariputta (tức Upatissa) và Moggadāna (Mục-Kiền-Liên, tức Kotika) làm đệ-nhất và đệ-nhi đại-đệ-tử. Đại-đức Mục-Kiền-Liên cũng vừa chứng-quả A-La-Hán trước đó một tuần.

(Còn nữa)

DANH TỪ

PHẬT - GIÁO

10) **HỒI HƯƠNG** : **Hồi** : xoay về. **Hương** : hướng đến. Nghĩa là đem những thiện công-dức — như : tụng-kinh, trì-chú, bố-thí, phóng-sanh... mình đã làm, hướng về Tam-bảo để cầu nguyện cho người còn, kẻ mất đều được lợi ích an vui (nếu chia tỉ-mỉ hơn thì Hồi-hương có bốn : Hồi sự, hướng lý — Hồi sự, hướng tha — Hồi nhân, hướng quả và Hồi tiền, hướng đại).

20) **ĐÀN-VIỆT** : Tiếng **Phạm** nói đủ là **Đàn-Na**. Tàu dịch là **Biển-thí** (chữ **Đàn** tiếng **Phạm**, chữ **Việt** sau là tiếng Trung-Hoa, nghĩa là vượt qua. Lại **Đàn** là một Đại-danh-tự chỉ cho người, còn **Việt** là động-tự).

Người tín-thí đem vật-dụng cúng-dường cho những vị tu-hành là « **Đàn** » do gây nhân bố-thí cúng-dường nên kết-quả được giải-thoát khỏi sanh-tử trong ba cõi, là **Việt**.

30) **BA-LA-MẬT** : Nói đủ là **Ba-la-mật-đa**. Tàu dịch là **Đáo-bi-ngạn**, nghĩa là đến bờ bên kia. Sanh-tử là « bờ bên này » Niết-bàn là « bờ bên kia ». Vì thế nói « **Đáo-bi-ngạn** » tức là mô-tả một trạng-thái giải-thoát sanh-tử chứng-nhập Niết-Bàn.

Như tinh tấn Ba-la-mật tức là nói hạnh tinh-tấn ấy đã hoàn toàn thành-tựu, có năng-lực đưa hành-giả từ bến mê đến

bờ giác cũng là một tiếng thờ - âm của An - độ. Bất-luận làm việc gì đã thành-tựu viên-mãn rồi cũng gọi Ba-la-mật.

4^o) **TAM-HỮU** : Ba cảnh-giới hay là ba vị-trí, giới vực đương còn ở trong vòng hữu - vi luân-hồi. Như : a) hữu-hình-hữu - dục - giới chỉ cho cảnh-giới còn thân-hình, còn dục - nhiệm như cõi chúng ta hiện-tại. b) Hữu - hình - vô - dục - giới, chỉ cho cảnh - giới còn thân-hình mà không còn dục - nhiệm, tức là cõi sắc-giới. c) Vô-hình-vô-dục-giới, chỉ cho cảnh - giới không thân hình, không dục-nhiệm tức là cõi vô-sắc-giới. (Muốn rõ xin xem danh từ Tam-Giới ở Liên-Hoa số 2.

5^o) **TAM - ĐỒ** : Ba loài hay ba đường ác : Địa - ngục, ngạ-quỉ, súc-sanh.

— Gây nhơn cực-ác nên kết - quả bị đọa vào địa-ngục để chịu mọi sự khổ-hình ghê gớm trong đó.

— Tạo nhơn hà tiện, rít-rắm, cùn bản.. nên bị quả báo àm thân ngạ - quỉ (ngạ : đói) loài này theo kinh chép thì bụng to như cái trống, cổ nhỏ như cái kim, nên mặc dù thèm khát vô cùng, nhưng không làm sao ăn được, để đến bù tội xưa.

— Gây nhơn ngu - si, tham - dục, độc-hại... nên phải làm thân súc-sanh để chịu - đựng mọi điều tham-khổ.

6^o) **TA-BÀ** : Tàu dịch là « **Kham - năng nhẫn khổ** » : Có năng-lực chịu-đựng mọi nỗi khổ. Ý nói : chúng-sanh ở trong tam-giới chịu đủ mọi điều thống-khổ áp - bức, thế mà họ vẫn bằng lòng kham-nhẫn, không thấy khổ và cũng không cho thế là khổ.

7^o) **NÊ-LÊ** : Tàu dịch là **Địa - ngục** là nơi giam - hãm, hành hạ những tội-nhân độc-ác.

8^o) **GIẢI-THOÁT** : **Giải** : là cởi mở ; **thoát** : thoát-ly. Giải-thoát là vượt khỏi xiềng-xích ràng-buộc trong sanh-lử, tiến đến địa-vị an-vui, vĩnh-viễn. Đây là danh - từ mô-tả trạng-thái

tiến-hóa của người tu - hành đã thoát-ly mọi triền-phược về tâm cũng như vật.

90) **ĐOÀ-LẠC** : Nghĩa đen là rơi-rớt, chìm-đắm. Tức là hình-dung trạng-thái thối - hóa của chúng - sanh trong ba cõi.

100) **LỄ - BÁI** : **Lễ**, hành-vi tỏ thái - độ cung-kính chí-thành đối với đấng mà mình tôn-thờ, ngưỡng - mộ. Lễ-bái có 7 cách : 3 loại trước thuộc về sự, 4 loại sau thuộc về lý. Hai loại trước là tà, 5 loại sau là chánh. 1) **Ngã-mạn lễ** : khi lạy, thân tâm không tỏ vẻ cung kính, chỉ đứng lên cúi xuống như cối chà đập ; cách lạy này đã không được phước mà còn gây thêm tội. 2) **Xương-họa-lễ** hay cũng gọi **Cầu-danh-lễ** : thân không nghiêm - trang, tâm loạn-động ; có mặt người khác thì xem bộ sốt - sướng, nhưng lúc một mình lại uể - oải, nhác-lười. Cách lạy như đây gọi là « a-dua » làm « lấy-lệ ». 3) **Thân-tâm cung - kính lễ** : nghe xưng đến danh hiệu Phật, thân tâm đều một niệm chí-thành cung - kính. 4) **Phát - trí thanh-tịnh lễ** : dùng hiện lượng trí đạt thấu cảnh-giới của Phật, nên lễ một đức Phật tức là lễ hết thấy các đức Phật. Tại sao ? Vì Phật, Phật đạo đồng ; pháp-thân Phật là viên - dung pháp-giới vậy. 5) **Biển nhập pháp giới lễ** : Tự quán thân-tâm xưa nay không ngoài pháp-giới, thế thì chúng - sanh và Phật không hai. Nên lễ một đức Phật tức là lễ khắp tất cả ba đời Phật trong mười phương pháp-giới. 6) **Chánh - quán lễ** : Biết hết thấy chúng-sanh đều có Phật tánh, chơn-giác đầy đủ như nhau, nên lễ Phật tức là lễ « Chơn - tâm thường - trú » của chúng ta vậy. 7) **Thật-tướng bình-đẳng lễ** : Lạy với tâm-niệm thật-tướng, bình-đẳng, tuyệt-đối, không có sự, tha, năng, sở, thể-dụng không hai, Thánh, phàm như một, cũng không còn có lễ, có quán như trong câu kệ Ngài Văn-Thù đã nói : « *Năng lễ, sở lễ, tánh không tịch v.v.* » Lại chữ lễ là Thễ là trong khi lạy vận hết thân tâm, thễ nhập chơn-ly từ-bi, trí-huệ, bình-đẳng, hùng - lực v.v... của Phật dạy.

TIN - TỨC PHẬT - GIÁO

PHÁI - ĐOÀN TĂNG - GIÀ VIỆT - NAM LƯU - HỌC TẠI NHẬT - BẢN :

Vào khoảng tháng 8 năm 1954, Giáo-hội Tăng-già Việt-Nam và Giáo-hội cùng các hội Phật-Học Nam, Trung, Bắc đã công-cử 4 thầy: Quảng-Minh, Thiên-Ân, Tâm - Giác, và Thanh-Kiểm qua tham-khảo Phật-giáo ở Nhật-Bản. Trải qua một thời-gian học tiếng Nhật, vừa rồi vào khoảng tháng 5 này, Tổng-hội Phật-giáo Nhật-Bản và Ủy-ban Quốc-tế Thân - thiện Học-hội đã giới-thiệu 4 thầy vào học 3 trường Đại-học danh-tiếng của Phật - giáo tại Tokyo. Theo chúng tôi biết thì hiện giờ các thầy đang học các môn Phật - giáo. Văn - học, Triết-học, Đông tây và các thứ sanh-ngữ theo chương-trình văn-học sĩ Nhật - Bản. Các giới Phật-tử hy-vọng rằng : Sau thời-gian học 4 năm, khi tốt-nghiệp chương-trình này, quý thầy sẽ đạt được những thành-tích rực-rỡ để làm việc đắc-lực cho Phật-giáo nước nhà sau này.

ĐỆ NHỊ HỘI ĐẠI - HỘI HỌC - SINH PHẬT-GIÁO TOÀN-QUỐC NHẬT-BẢN :

Dưới sự tán-trợ của Tổng-hội Phật-giáo Nhật-Bản. Ủy-ban chấp. hành hội học-sinh Phật - giáo toàn-quốc Nhật - Bản đã triệu-tập một cuộc Đại-hội Học-sinh Phật - giáo toàn quốc lần thứ hai và đã khai-mạc tại trụ - sở của hội vào ngày 21. 22. 23 - 6 - 1955 vừa qua. Đông hơn năm trước, Đại-hội học - sinh Phật - giáo toàn-quốc Nhật-Bản lần thứ hai này, đã có đại - diện của 20 trường Đại-học Phật-giáo đặt trên toàn-quốc Nhật-Bản sau đây về tham-dự :

Đại-chánh Đại-học, Câu-trạch Đại-học Lập-chánh Đại-học, Long cổc Đại-học, Chung-trí-viện Đại-học, Hoa-viên Đại - học, Phật-giáo Đại-học, Phật-lập Đại-học, Thân-diên-tơn Đại-học, Cao-dã-sơn Đại-

học, Quãn-mã Đại-học, Trung-ương Đại-học, Trú-sơn chuyên-tu học-viện Đại-học, Đông-kinh Đại-học, Đông-dương Đại-học. Chuyên-tu Lạc-viện Đại-học, Hoa - danh đoàn-kỳ Đại-học, Kinh-dô Nữ-tử Đại-học và Võ-tràng-dã nữ-tử đoàn-kỳ Đại-học.

Đại-cương của chương-trình hội-nghị ấy gồm có 4 vấn-đề sau đây:

1.— Xác-lập một căn-bản tín-ngưỡng chân-chánh đề ứng-hợp với trào-lưu tư-tưởng hiện-đại, dựa trên chân-tinh-thần Phật-giáo.

2.— Tìm cách cải-thiện các cơ-quan thông-tin, truyền - bá Phật-giáo đề Đại-chúng-hóa Phật-giáo.

3.— Bằng những nguyên-tắc gì đề thực-tiên đi đến vấn-đề «hòa-bình cộng-tồn» và đời sống hạnh-phúc toàn-thiện.

4.— Kiến-lập thêm Đại-học - viện, ấu-tri-viện và các trường Cao-Trung, Tiều-học đề phò - biễn tinh - thần Phật - giáo vào các tầng lớp thanh-niên nam nữ và tìm cách cải - thiện đời-sống học-sinh theo đúng giáo - lý Phật - Đà.

Ngoài 4 vấn - đề chính trên, hội-nghị cũng đặc biệt thảo-luận và đề nghị những phương-tiện thích-ứng đề cho các tiêu - ban sau đây được tiến-triển khả-quan. Quốc-tế Phật - giáo nghiên - cứu, xã-hội nghiên-cứu, Phật-giáo tư-tưởng nghiên - cứu, Phật-giáo-đồ với hòa bình nghiên-cứu, vấn - đề học - sinh tự-trị, vấn-đề đoàn-kỳ Đại-học, vấn-đề liêu-xá của học-sinh, vấn đề Ấu-tri-viện, vấn - đề báo-chí, vấn-đề nữ-tử học - sinh, vấn đề diễn-kịch và điện ảnh, vấn-đề biện - luận học-bộ, vấn-đề nhi - đồng, vấn đề âm-nhạc, vấn-đề văn-nghệ, vấn-đề nhiếp-ảnh và hội-họa, vấn - đề xã - hội sự-nghiệp, vấn-đề xuất-bản sách vở, báo-chí và thơ-phú, vấn-đề cồ-đồng và tổ chức các ngày Đại-lễ Phật-giáo v.v.

Sau 3 ngày hội-nghị liên tiếp Đại-hội học-sinh Phật - giáo toàn quốc Nhật - Bản lần thứ 2 này đã thu - hoạch được nhiều kết - quả tốt đẹp, và đã bế-mạc trong tinh-thần thân - ái, hiểu biết của giáo-ly Phật - Đà. Mọi Đại-biêu ra về với niềm hoan-hỷ, tin - tưởng ở sự thành công toàn-thiện của chương trình nghị-sự ấy.

HOA - THỊNH - ĐỐN (WASHINGTON)

Hiện nay ở nước Mỹ có độ chừng 100.000 Phật - tử Hội - viên, những trung-tâm Phật-giáo chính là : San Francisco, Los Angeles và Seattle ở bờ biển phía Tây. Theo tin-tức chúng tôi vừa nhận được tại Hawaii có 5 ngôi chùa, tại Los Angeles có 13 ngôi, tại San Francisco có 4 ngôi và tại Nữu-Uớc có 2 ngôi. Ngoài ra còn có một tàng-cồ viện Phật-giáo Tây-tạng tại Đảo Staten, Nữu-Uớc. Sau thời kỳ đại chiến lần thứ hai đường liên - lạc giữa các cơ-quan Phật-giáo của những xứ

này tưởng như bị gián - đoạn, chúng tôi không nhận được tin tức gì cả.

Chúng tôi vừa nhận được một tin mừng Phật-tử Mỹ dương trừ tính đề xây một ngôi chùa tại Hoa-Thịnh-Đốn thủ đô nước Mỹ. Ông Chun Prabha, chuyên-viên về ngành Liên-lạc Công-cộng ở Lãnh-sự Thái-Lan, định rằng số tiền chi phí vào ngôi chùa này ít nhất là từ năm đến mười triệu Mỹ-kim, và sẽ là nơi giảng dạy giáo-lý Phật-giáo gồm Phật-giáo Đại-thừa, Tiểu-thừa, cùng các Tôn-phái Phật-giáo ở Nhật - Bản, Trung-Quốc, Đại-Hội, Cao-Ly.

Chúng tôi thành thật mong rằng vài năm lại đây tại Hoa-Thịnh-Đốn cũng như Luân-Đôn, Paris, Berlin và những thủ-đô các nước Tây-phương có trụ-sở vĩnh-viễn của Phật-giáo.

HOẠT-ĐỘNG CỦA THANH-NIÊN PHẬT-GIÁO TẠI DARJEELING

Hội Thanh-niên Phật-tử tại Bhutia, Darjeeling, thành-lập được hơn 25 năm lại đây do Đại-đức Jinorasa, tỳ-kheo xứ Sikhima thuộc giòng giới, quý-tộc, thọ đại-giới tại Tích-Lan. Sau khi người viên-tịch năm 1931, hoạt động của Hội Thanh-niên Phật-tử bị ngừng hoạt-động trong một thời gian. Tuy vậy, trường Tiểu-học và trường-dạy ban đêm không lấy tiền vẫn hoạt-động như thường và lễ Phật-Đản hàng năm vẫn được cử-hành một cách long-trọng. Hội muốn hoạt động trở lại vì đã sẵn đủ những phương tiện như trụ-sở v.v... nên kính mời Đại-đức Sangharakshita và các vị khác đến trú hai tuần tại Bhutia-Busti để làm Phật-sự. Trong thời gian an-trú đó, Đại-đức đã lợi-dụng cơ-hội giảng-giải cho dân-chúng vùng ấy hay giáo nghĩa của Đức Phật và khuyến-khích họ chú tâm vào công-cuộc học, truyền bá đạo-đức và giáo-nghĩa chân-chính

Đại-đức đã chủ-tọa nhiều cuộc lễ, vạch chương-trình hành-động, góp nhặt những ý-kiến địa-phương hòng phục-hồi lại hoạt-động của ngày xưa. Các em trai, gái của trường thì ngoài giờ học bài vở nhà - trường cũng không khi nào xao - lãng học Phật, vì chương - trình học Phật ở đây thích-hợp với trình-độ và sự hiểu biết của các em.

NÉPAL

Chúng tôi sung-sướng loan tin rằng Hội Lumbini Dharmodaya thành lập với mục-dịch chấn - chỉnh sùng-tu lại vườn Lâm-tỳ-ni cùng cung - cấp những phương-tiện dễ-dàng ở các Phật - tích cho các Phật-tử chiêm-bái. Công-việc này đã được chính-phủ Népal công-nhận và giúp-đỡ.

Ông Sri-George, một nhà học-giả Thụy-sĩ, hiện nay là khách-trú tại Ananda Kuti, Kathmandu, đang chăm-chú nghiên-cứu Phật-lý.